



Chương 4: Phân tích

GVLT: Phạm Thi Vương



Tài liệu tham khảo

- ❖ Bài giảng dựa chính trên bài giảng “Xây dựng phần mềm hướng đối tượng” - ThS Trần Minh Triết – ĐH KHTN
- ❖ Bài giảng “Phân tích và thiết kế hướng đối tượng” – TS Phạm Ngọc Nam – ĐH BK HN
- ❖ Bài giảng “Phân tích và thiết kế hướng đối tượng” – ThS Phạm Nguyễn Cường – ĐH KHTN
- ❖

Nội dung

1. Sơ đồ lớp ở mức phân tích



2. Sơ đồ lớp và



Khả năng tiến hóa của hệ thống



3. Sơ đồ trạng thái



Sơ đồ lớp ở mức phân tích

- ◆ 1. Xác định các lớp đối tượng chính.....●
- ◆ 2. Xác định các thông tin và hành động/trách nhiệm của mỗi lớp đối tượng chính.....●
- ◆ 3. Xác định các quan hệ chính.....●
- ◆ 4. Xác định các lớp đối tượng phụ, các danh mục.....●

Nội dung

❖ Sơ đồ lớp ở mức phân tích

- Xác định các lớp đối tượng chính
- Xác định các thông tin và hành động/trách nhiệm của mỗi lớp đối tượng chính
- Xác định các quan hệ chính
- Xác định các lớp đối tượng phụ, các danh mục

❖ Sơ đồ lớp và Khả năng tiến hóa của hệ thống

❖ Sơ đồ trạng thái

- Khái niệm và các ký hiệu
 - Trạng thái
 - Biến cố, điều kiện
 - Trạng thái đầu, trạng thái cuối
 - Superstate

- Áp dụng

Một số khái niệm mở đầu

- ❖ Văn đề: Mô tả lại bằng một ngôn ngữ nào đó (thường là các sơ đồ) nhằm diễn tả trực quan về văn đề
- ❖ Phân tích: xây dựng mô hình Thế giới thực
- ❖ Phân tích theo hướng đối tượng: xây dựng các mô hình về các đối tượng của Thế giới thực

Một số khái niệm mở đầu

❖ Một số loại Sơ đồ:

- Sơ đồ lớp đối tượng: Mô tả hệ thống các lớp đối tượng (thuộc tính, hành động) cùng với các quan hệ giữa chúng
- Sơ đồ trạng thái: Mô tả chu trình sống của đối tượng
- ...



Nhắc lại về hướng đối tượng

Nhắc lại về hướng đối tượng

Một số ký hiệu

Tên class

Tên class

(Các) thuộc tính

(Các) phương thức

<u>Đối tượng: class</u>

thuộc tính = giá trị

<u>Đối tượng</u>

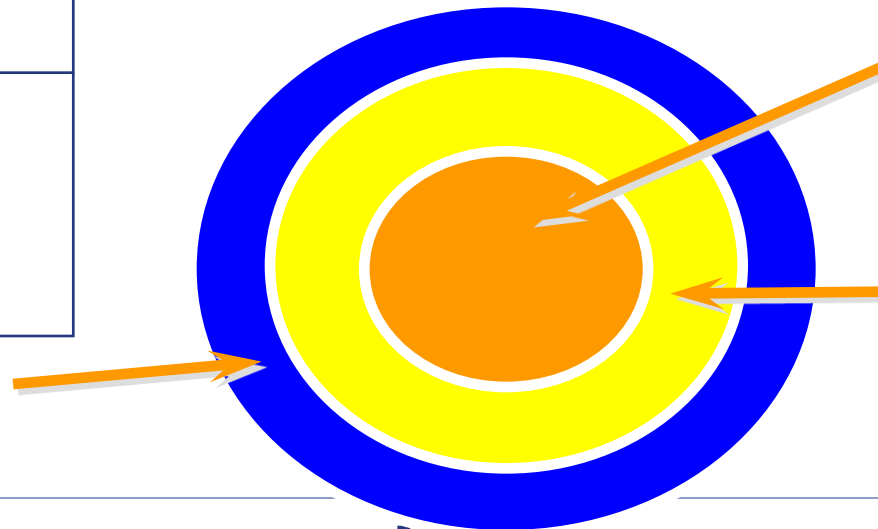
thuộc tính = giá trị

Public/Protected/Private

- + Thuộc tính/Phương thức **public**
- # Thuộc tính/Phương thức **protected**
- Thuộc tính/Phương thức **private**

Class
- privateAttribute # protectedAttribute
+publicOp() # protectedOp() - privateOp()

Phương thức
Public



Phương thức
Private

Phương thức
Protected

Tầm vực

- ❖ Xác định số lượng thể hiện của thuộc tính / phương thức

Class
- <u>classifierScopeAttribute</u> - instanceScopeAttribute
<u>classifierScopeOperation()</u> instanceScopeOperation()

Ví dụ

Student

- name
- address
- studentID
- nextAvailID : int

- + addSchedule(theSchedule : Schedule, forSemester : Semester)
- + getSchedule(forSemester : Semester) : Schedule
- + hasPrerequisites(forCourseOffering : CourseOffering) : boolean
- # passed(theCourseOffering : CourseOffering) : boolean
- + getNextAvailID() : int

Nhận xét

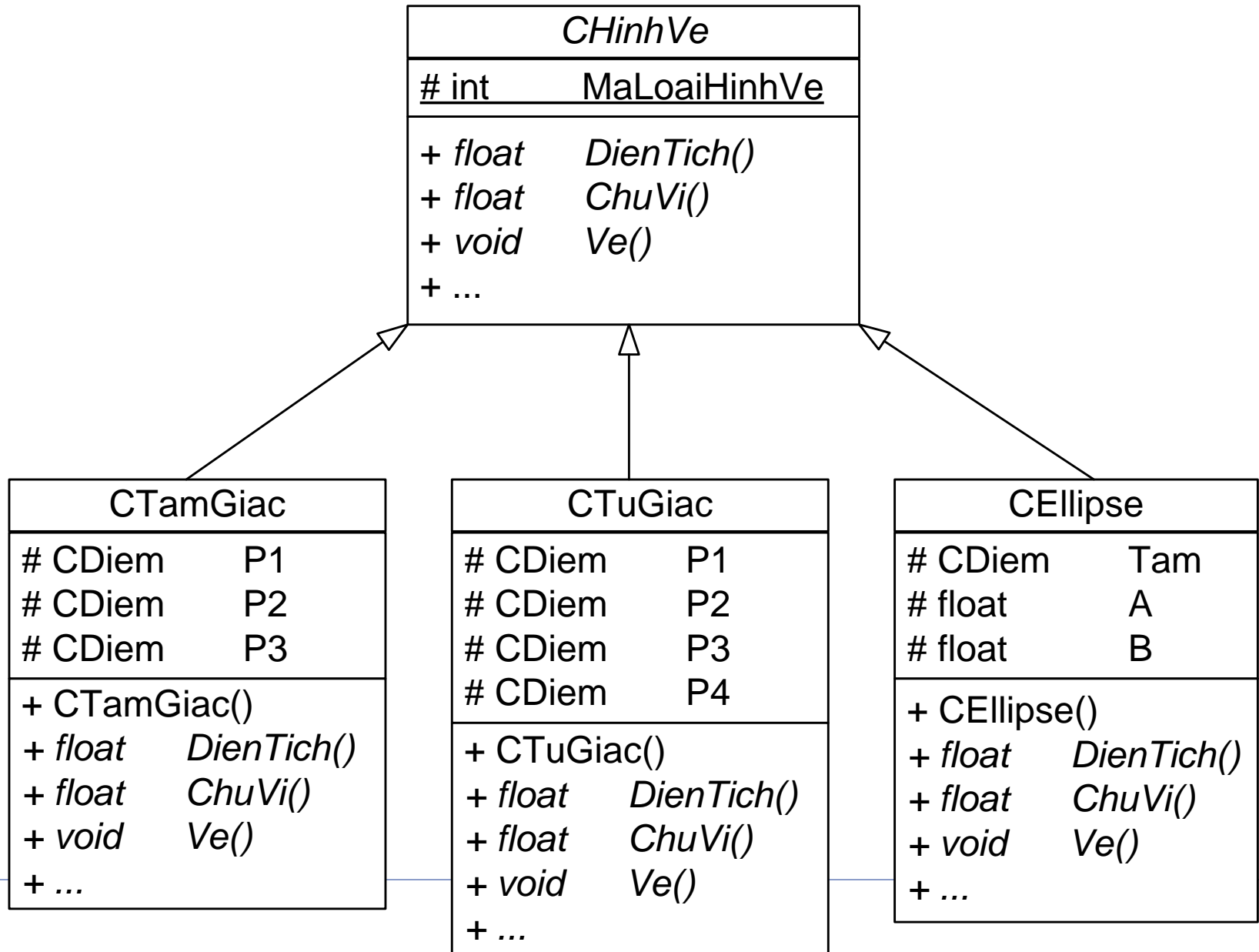
Tên class
(Các) thuộc tính
(Các) phương thức

Bình thường: Class bình thường
In nghiêng: Class thuần ảo
Gạch dưới: Object (không phải class)

Bình thường: Thuộc tính bình thường
In nghiêng: không sử dụng
Gạch dưới: Thuộc tính static

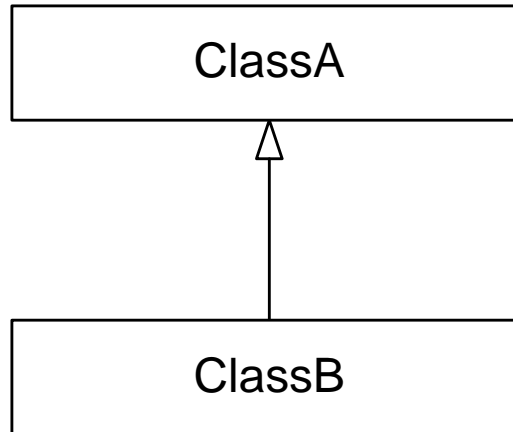
Bình thường: Phương thức bình thường
In nghiêng: Phương thức virtual
Gạch dưới: Phương thức static

Ví dụ



Quan hệ giữa các lớp đối tượng

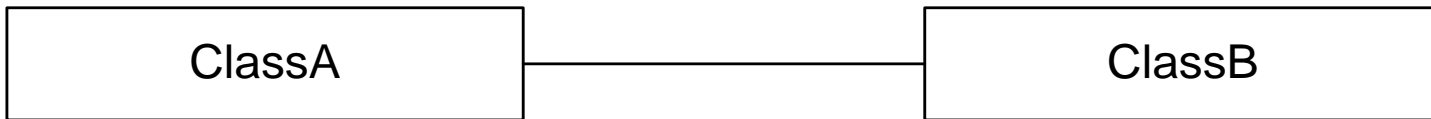
❖ Quan hệ kế thừa



- ClassB kế thừa từ ClassA
- ClassB là một trường hợp đặc biệt của ClassA
- ClassA là trường hợp tổng quát của ClassB

Quan hệ giữa các lớp đối tượng

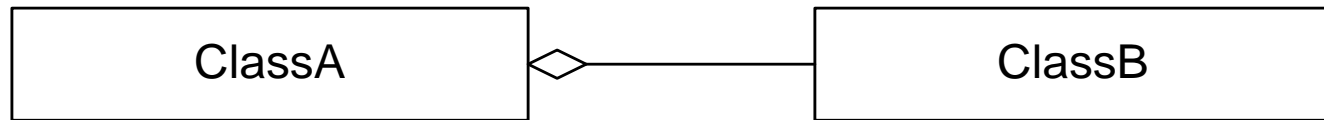
❖ Quan hệ Association



- Hoặc
 - Trong **ClassA** có thuộc tính có kiểu là **ClassB**
- Hoặc
 - Trong **ClassB** có thuộc tính có kiểu là **ClassA**
- Nhận xét: Về mặt lập trình, thuộc tính có thể được lưu trữ dạng **biến đơn**, **biến mảng**, hay biến con trỏ
- Ví dụ:?

Quan hệ giữa các lớp đối tượng

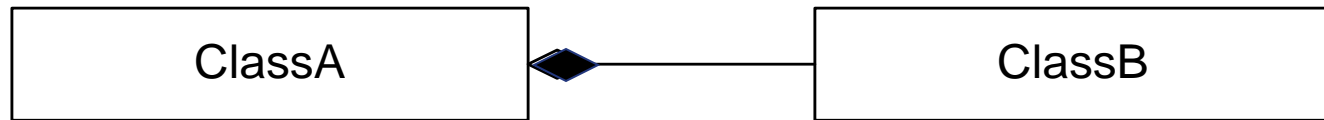
❖ Quan hệ Aggregation



- Đã xác định được **ClassA** và **ClassB** có quan hệ Association với nhau
- Xác định rõ hơn:
 - Trong object của **ClassA** có chứa (trong phần thuộc tính) object của **ClassB**
 - **ObjectX** của **ClassA** bị hủy thì **ObjectY** của **ClassB** (bên trong **ObjectX**) vẫn có thể còn tồn tại
- Ví dụ:?

Quan hệ giữa các lớp đối tượng

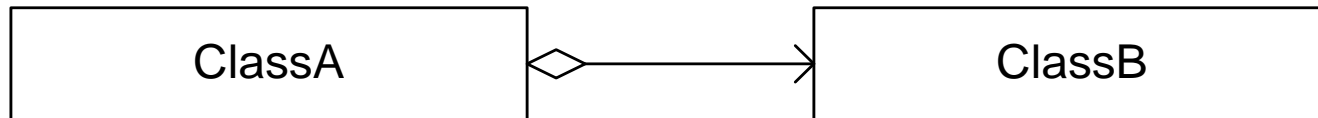
❖ Quan hệ Composition



- Đã xác định được **ClassA** và **ClassB** có quan hệ Association với nhau
- Xác định rõ hơn:
 - Trong object của **ClassA** có chứa (trong phần thuộc tính) object của **ClassB**
 - **ObjectX** của **ClassA** bị hủy thì **ObjectY** của **ClassB** (bên trong **ObjectX**) không thể còn tồn tại
- Ví dụ:?

Quan hệ giữa các lớp đối tượng

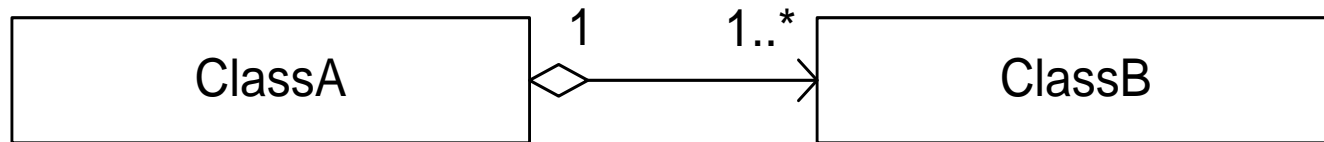
❖ Chiều của quan hệ (Association, Aggregation, Composition)



- Nếu quan hệ là 1 chiều: đa số các lời gọi hàm được gọi theo đúng chiều của quan hệ
- Nếu quan hệ là 2 chiều: không vẽ mũi tên

Quan hệ giữa các lớp đối tượng

❖ Bản số - Multiplicity (Association, Aggregation, Composition)



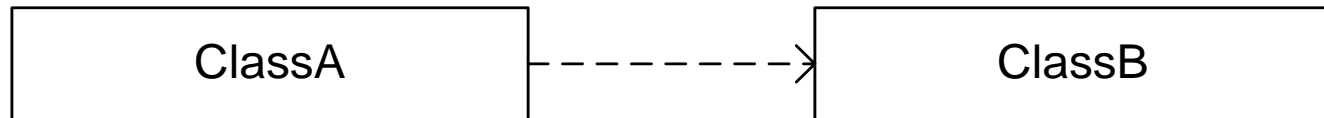
■ Ý nghĩa

■ Ví dụ:

- 1
- 2
- 1..*
- 0..*
- *
- 1, 3, 5..9

Quan hệ giữa các lớp đối tượng

❖ Quan hệ Dependency



- ClassA và ClassB không có quan hệ Association
- ClassA “phụ thuộc” vào ClassB

Tham số truyền vào

```

class A
{
    void F(B x)
    {
        ...
    }
};
  
```

Kết quả trả ra

```

class A
{
    B F()
    {
        ...
    }
};
  
```

Biến cục bộ

```

class A
{
    void F()
    {
        B x;
    }
};
  
```

Trong ClassA có sử dụng biến toàn cục (kiểu B), hoặc sử dụng phương thức/thuộc tính static của ClassB



Xây dựng sơ đồ lớp ở mức phân tích

Lập danh sách các đối tượng

❖ Tiêu chuẩn nhận dạng đối tượng

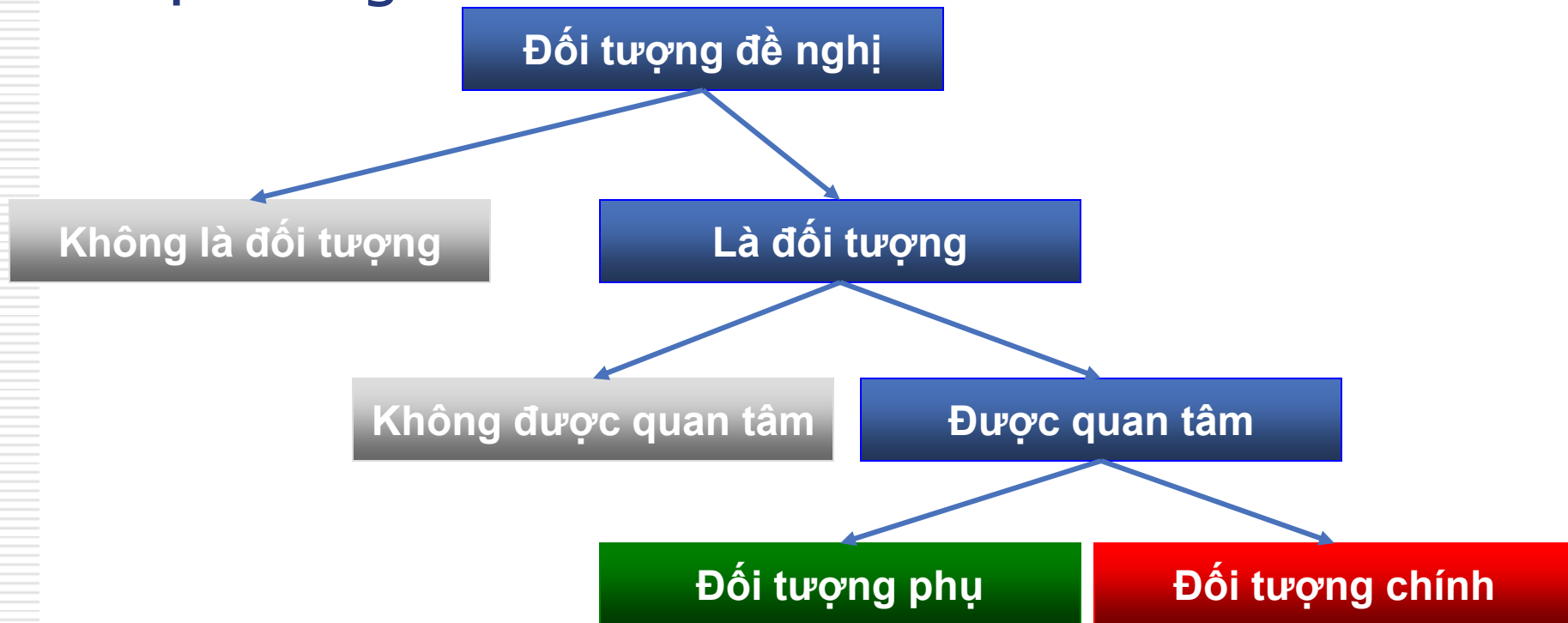
- Định danh: Đối tượng phải có tên (thường là danh từ/ngữ danh từ)
- Chu trình sống: có thời điểm sinh ra, có khoảng thời gian hoạt động, có thời điểm chấm dứt
- Sự độc lập tương đối với các đối tượng khác
- ...

❖ Đề nghị:

- Con người
- Vật thể
- Tổ chức
- Vật lý
- Không gian
- Thời gian...

Lập danh sách các đối tượng

- ❖ Lập danh sách các đối tượng liên quan đến hệ thống



Tiêu chuẩn nhận dạng đối tượng: có rất nhiều trường phái

Ví dụ

- ❖ Ví dụ: Xét ngữ cảnh là 1 trường PTTH với phần mềm quản lý trường cấp 3:
- ❖ Danh sách đề nghị:

▪ Học sinh	Tổ Bộ môn	Số tiết
▪ Giáo viên	BGH	TKB
▪ Môn học	Khối	Bảng điểm
▪ Lớp	Phụ huynh	Phòng
▪ Học kỳ	ĐTB	Học phí
▪ Năm học	Diện HS	...
- ❖ Đối tượng/Không phải đối tượng?

Ví dụ

❖ Được quan tâm?

■ Phần mềm quản lý học sinh:

- Học sinh, Giáo viên, Môn học, Lớp, Khối, Phụ huynh, Học kỳ, Năm học...

■ Phần mềm quản lý giáo viên:

- Giáo viên, Tổ bộ môn, Môn học, Khối, Lớp, Học kỳ, Năm học...

■ Phần mềm xếp thời khóa biểu:

- Giáo viên, Môn học, Lớp, Phòng, Học kỳ, Năm học...

Ví dụ

❖ Đối tượng chính? Đối tượng phụ

■ Phần mềm quản lý học sinh:

- Học sinh, Giáo viên, Môn học, Lớp, Khối, Phụ huynh, Học kỳ, Năm học...

■ Phần mềm quản lý giáo viên:

- Giáo viên, Tổ bộ môn, Môn học, Khối, Lớp, Học kỳ, Năm học...

■ Phần mềm xếp thời khóa biểu:

- Giáo viên, Môn học, Lớp, Phòng, Học kỳ, Năm học...

Lập danh sách các quan hệ

❖ Tiêu chí đánh giá:

- Động từ
- Sự phụ thuộc giữa các đối tượng (chủ yếu xét các đối tượng chính)

❖ Đề nghị:

- **Quan hệ theo thời gian**
 - **Ít biến động:** sau 1 thời gian dài mới thay đổi (thường làm về mặt tổ chức)
 - **Biến động:** quan hệ xảy ra vào lúc nào, trong thông tin có thuộc tính về thời gian, thay đổi theo thời gian (**thường quan tâm nhiều đến loại quan hệ này**)

Lập danh sách các quan hệ(tt)

❖ Tiêu chí đánh giá:

- Động từ
- Sự phụ thuộc giữa các đối tượng (chủ yếu xét các đối tượng chính)

❖ Đề nghị:

- Quan hệ theo thời gian
- Quan hệ về tổ chức (thường liên quan đến đối tượng phụ)
- Quan hệ về không gian (thường liên quan đến đối tượng phụ)
- Quan hệ theo vai trò: Chủ động/Bị động

❖ Ví dụ: ?

Nhận dạng thuộc tính

- ❖ Sự phụ thuộc (không có ý nghĩa rõ ràng khi đứng độc lập)
 - Phụ thuộc một đối tượng → Thuộc tính của đối tượng
 - Phụ thuộc nhiều đối tượng → Thuộc tính của quan hệ
- ❖ Các loại thuộc tính
 - Định danh (thường của đối tượng)
 - Phân loại
 - Thời gian
 - Không gian
 - Định lượng
 - ...
- ❖ Ví dụ:?

Các bước xây dựng sơ đồ lớp ở mức phân tích

- ❖ Bước 1: Xác định các lớp đối tượng, **quan hệ** và **thuộc tính** trực tiếp từ yêu cầu của hệ thống
 - Xét lần lượt từng biểu mẫu và quy định
 - Nếu trong sơ đồ lớp hiện tại chưa có thể lưu trữ được thông tin cần thiết:
 - Cần bổ sung thuộc tính vào lớp đối tượng đã có?
 - Cần bổ sung thuộc tính vào quan hệ đã có?
 - Cần bổ sung thêm quan hệ giữa các lớp đối tượng đã có?
 - Cần bổ sung thêm lớp đối tượng mới?

Các bước xây dựng sơ đồ lớp ở mức phân tích

❖ Bước 2:

- Nếu một lớp đối tượng có **thuộc tính có cấu trúc phức tạp** hoặc có các thuộc tính có liên hệ chặt chẽ với nhau và có ngữ nghĩa cụ thể thì nên **tách ra** thành **lớp đối tượng phụ**

Các bước xây dựng sơ đồ lớp ở mức phân tích

❖ Bước 3:

- 3.1. Nhiều lớp đối tượng có nhiều đặc điểm chung

→ Xây dựng lớp đối tượng tổng quát chung cho các lớp đối tượng cụ thể này

❖ Bước 3:

- 3.2. **Một** lớp đối tượng có thuộc tính phân loại và cách xử lý trong các phương thức của đối tượng thuộc lớp này **phụ thuộc** vào giá trị của thuộc tính phân loại
→ **Tách** lớp đối tượng này thành nhiều lớp đối tượng con tương ứng với mỗi (nhóm) giá trị của thuộc tính phân loại

Các bước xây dựng sơ đồ lớp ở mức phân tích

❖ Bước 4:

- **Hiệu chỉnh** các quan hệ đã có để phù hợp với các lớp đối tượng vừa được điều chỉnh

❖ Bước 5:

- Kiểm tra lại sơ đồ lớp và hiệu chỉnh (theo kinh nghiệm)

❖ Bước 6:

- Bổ sung các trách nhiệm (phương thức) vào các lớp đối tượng ở mức phân tích

Kết quả: Sơ đồ lớp ở mức phân tích

- ❖ Sơ đồ lớp
- ❖ Danh sách các lớp đối tượng và quan hệ

STT	Tên lớp/quan hệ	Loại	Ý nghĩa/ghi chú
...

Kết quả: Sơ đồ lớp ở mức phân tích

- ❖ Sơ đồ lớp
- ❖ Danh sách các lớp đối tượng và quan hệ
- ❖ Mô tả chi tiết từng lớp đối tượng và quan hệ
 - Với mỗi lớp đối tượng:
 - Mô tả các thuộc tính

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
...

- Danh sách các trách nhiệm chính
- Với mỗi quan hệ:

STT	Tên thuộc tính	Kiểu	Ràng buộc	Ý nghĩa/ghi chú
...

Áp dụng

❖ Áp dụng thực tế vào các bài tập

- Xác định các lớp đối tượng chính
- Xác định các thông tin và hành động/trách nhiệm của mỗi lớp đối tượng chính
- Xác định các quan hệ chính
- Xác định các lớp đối tượng phụ, các danh mục



Sơ đồ trạng thái

Các khái niệm

❖ Sơ đồ trạng thái

- Mô tả chu trình sống của các đối tượng chính từ khi sinh ra, hoạt động & mất đi
- Mỗi đối tượng có thể có nhiều sơ đồ trạng thái theo các góc nhìn khác nhau

❖ Trạng thái & biến cố

- **Trạng thái** của đối tượng diễn đạt tình trạng hiện có của đối tượng (có ý nghĩa trong một đoạn thời gian)
- **Biến cố** là các sự kiện xảy ra làm cho đối tượng chuyển trạng thái.

Một số ký hiệu

Tên trạng thái

Trạng thái

Tên trạng thái

stateVar : type = value

entry/ entry action
do/ activity
exit/ exit action

Tên biến cố (tham số)

Tên hành động (tham số)

[Điều kiện]

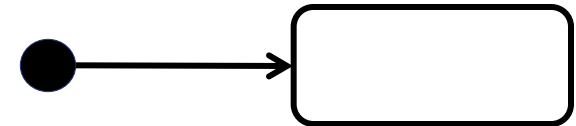
Chuyển đổi trạng thái

Các trạng thái đặc biệt

❖ Trạng thái bắt đầu

- Là trạng thái khi mới được khởi tạo của object
- Bắt buộc phải có
- Chỉ có thể có 1 trạng thái bắt đầu

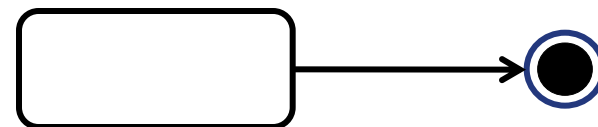
Tr/thái bắt đầu



❖ Trạng thái kết thúc

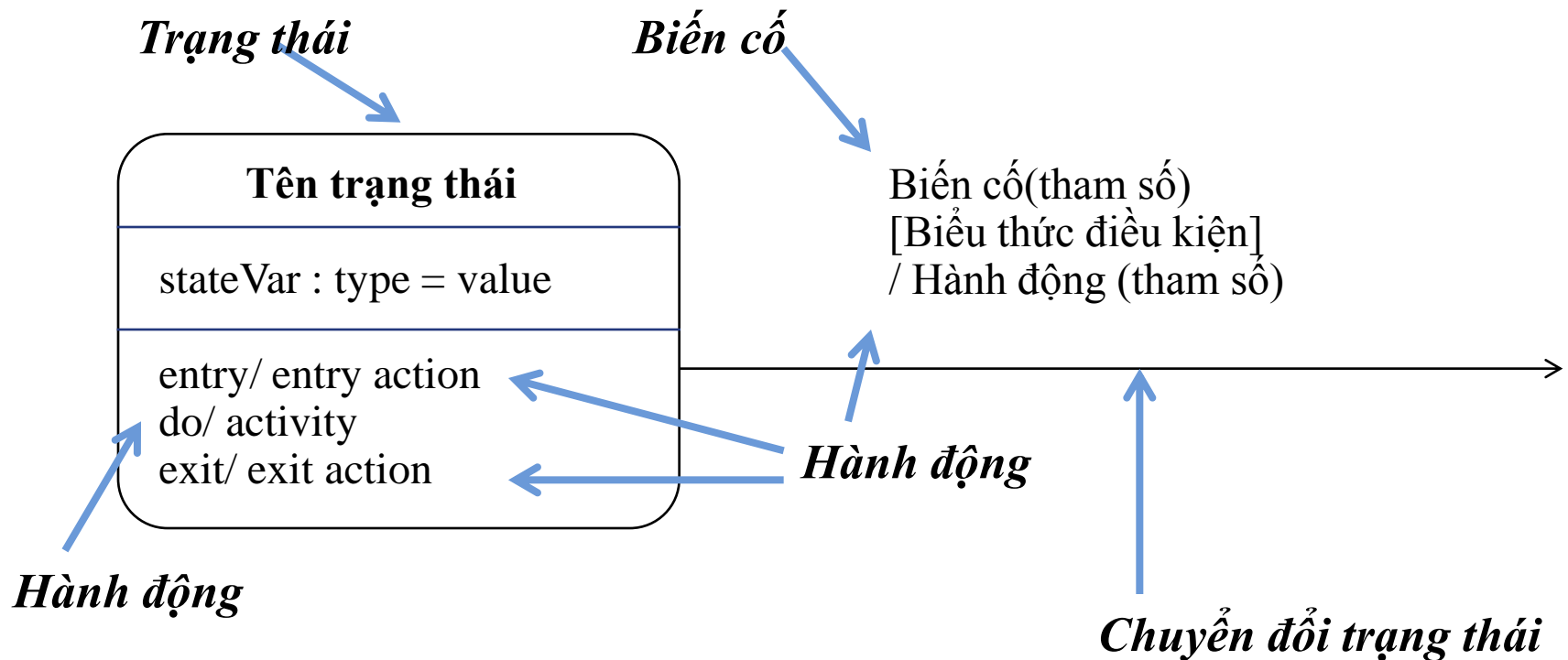
- Chỉ vị trí kết thúc đời sống của object
- Không nhất thiết phải thể hiện
- Có thể có nhiều

Tr/thái kết thúc



Sơ đồ trạng thái

- ❖ Là đồ thị có hướng với các node là các trạng thái nối với nhau bởi các cung mô tả việc chuyển đổi trạng thái

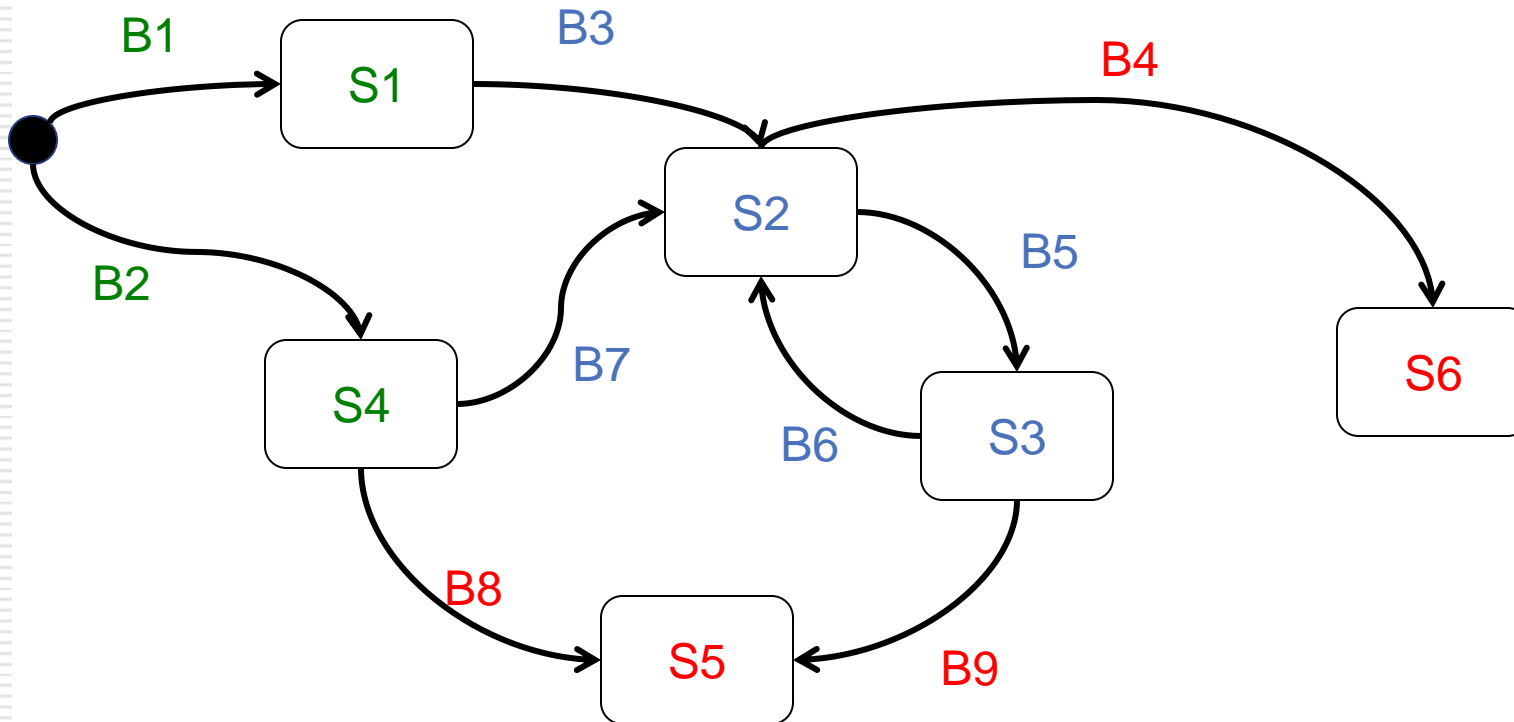


Sơ đồ trạng thái

B1, B2: biến cố sinh

B4, B8, B9: biến cố mất

B3, B5, B6, B7: biến cố hoạt động

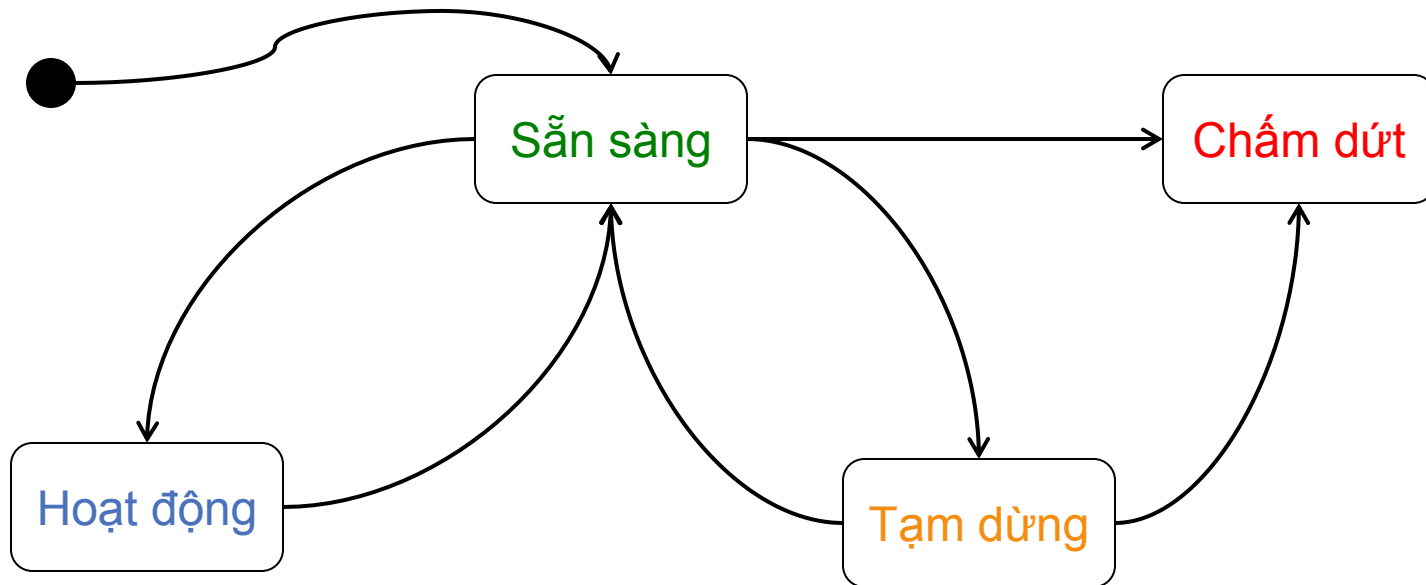


Sơ đồ trạng thái

- ❖ Mỗi sơ đồ trạng thái sẽ ánh xạ thành **một thuộc tính** của đối tượng
- ❖ Các trạng thái của đối tượng trong 1 sơ đồ trạng thái **không giao nhau** và giá trị của thuộc tính tương ứng chỉ mang 1 trong các giá trị tương ứng
- ❖ Sơ đồ trạng thái càng chi tiết sẽ phục vụ:
 - Có những xử lý thích hợp trong kiểm tra ràng buộc
 - Có những xử lý thích hợp trong xử lý biến cố
 - Phục vụ tra cứu, tìm kiếm
- ❖ Khi đã quan tâm đến sơ đồ trạng thái của 1 đối tượng
 - Thường trong ứng dụng **không còn chức năng xóa** (thật sự) đối tượng này
 - Các đối tượng sẽ **tồn tại ở trạng thái mất** thay vì bị xóa thật sự

Sơ đồ trạng thái

❖ Thông thường, sơ đồ trạng thái của 1 đối tượng có dạng



Cách xây dựng sơ đồ trạng thái

❖ Cách 1:

- Xác định quá trình hoạt động bình thường của đối tượng từ khi sinh ra đến khi mất đi
- Bổ sung các trạng thái và biến cố liên quan đến
 - Sinh ra
 - Hoạt động
 - Tạm ngừng
 - Mất đi

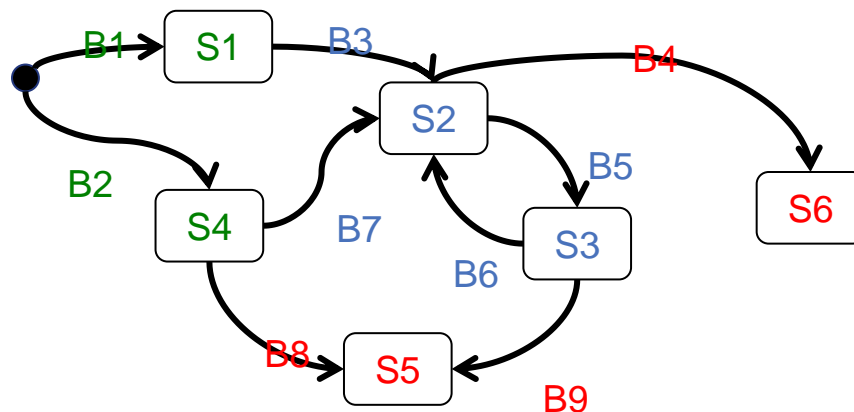
Cách xây dựng sơ đồ trạng thái

❖ Cách 2:

- Xác định các trạng thái sinh
- Xác định các trạng thái cuối
- Xác định các trạng thái trung gian và các biến cố/hành động làm chuyển trạng thái

Kết quả: Sơ đồ trạng thái

Sơ đồ trạng thái



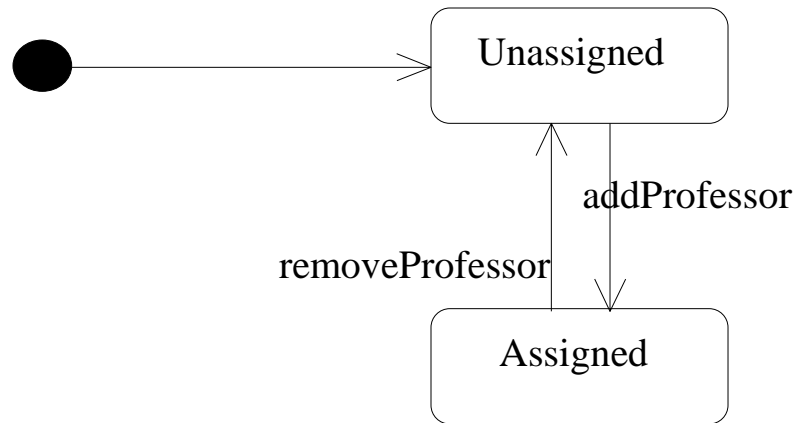
Bảng mô tả các trạng thái

STT	Trạng thái	Ý nghĩa	Xử lý liên quan	Ghi chú
...

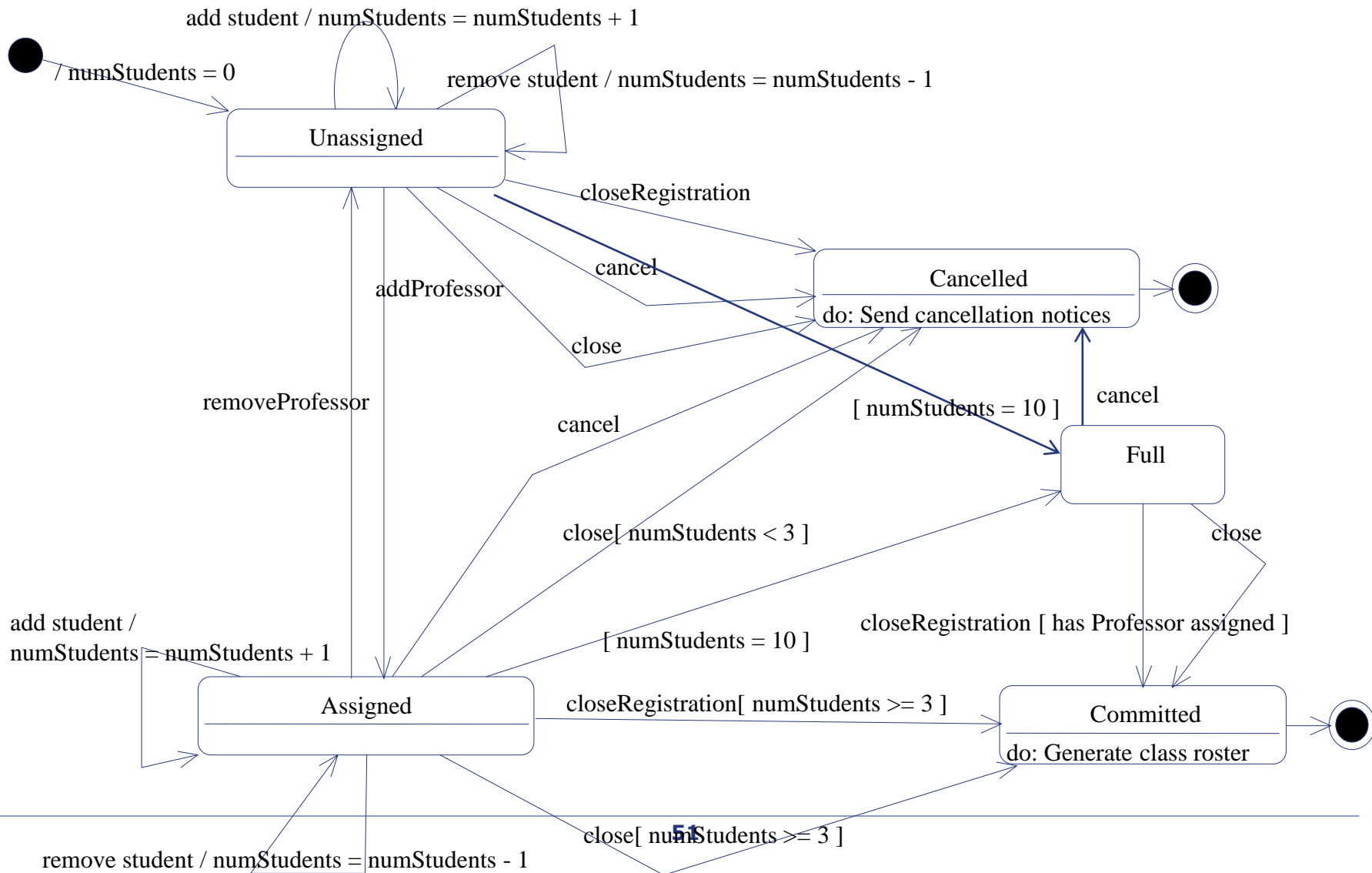
Bảng mô tả các biến cố

STT	Biến cố	Ý nghĩa	Xử lý liên quan	Ghi chú
...

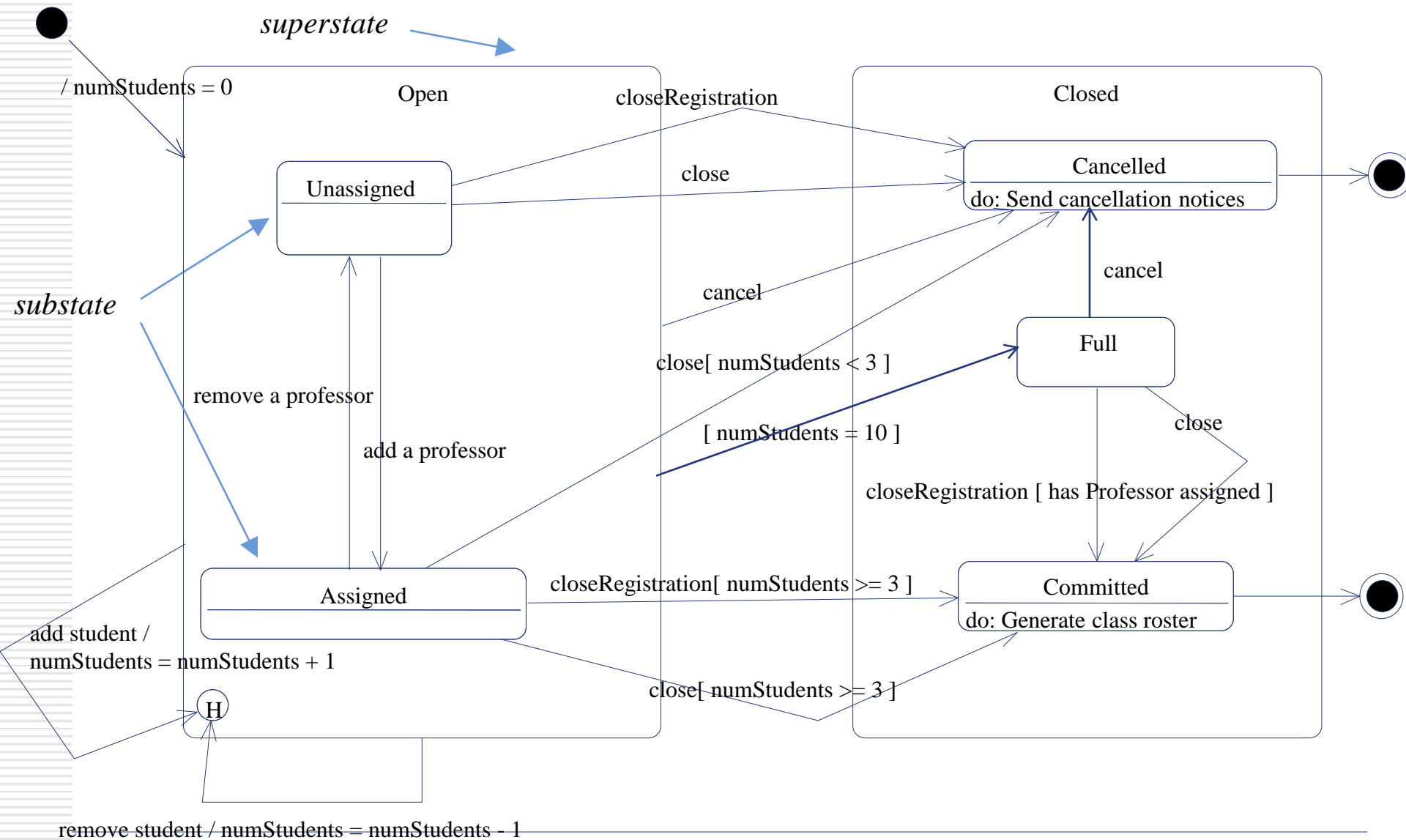
Ví dụ



Ví dụ



Ví dụ: trạng thái lồng nhau



Luyện tập

- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của thang máy
- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của 1 đèn giao thông
- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của 1 cặp đèn giao thông tại ngã tư
- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của 1 độc giả
- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của 1 cuốn sách
- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của 1 phòng trong khách sạn
- ❖ Vẽ sơ đồ trạng thái của 1 quân cờ
- ❖ ...